TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HỒI** TỈNH KON TUM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 39/2018/QĐST- DS	*Ngọc Hồi, ngày 13 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành được lập ngày 05 tháng 09 năm 2018 về việc các đương sự đã thực sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 38/2018/TLST-DS ngày 18/04/2018, V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

XÉT THẤY

Việc thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành được lập ngày 05/09/2018 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị L

Trú tại: Thôn 4, thị trấn P, huyện N, tỉnh K.

Bị đơn: Anh Phạm Văn N và chị Lưu Thị L.

Cùng trú tại: Thôn 5, thị trấn P, huyện N, tỉnh K.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Mai Thị Liên cùng anh Phạm Văn N và chị Lưu Thị L tự nguyện thỏa thuận, tính đến ngày 05/9/2018 anh Phạm Văn N và chị Lưu Thị L còn nợ của chị Mai Thị L với số tiền nợ là 285.000.000đ (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Anh Phạm Văn N, chị Lưu Thị L tự nguyện thỏa thuận anh N, chị L sẽ trả hết số tiền nợ trên cho chị Mai Thị L làm 3 đợt cụ thể như sau:

Đợt 1: Anh N, chị L trả cho chị L số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Thời gian trả vào ngày 20/12/2018.

Đợt 2: Anh N, chị L trả cho chị L số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng). Thời gian trả vào ngày 20/3/2019.

Đợt 3: Anh N, chị L trả cho chị L số tiền còn lại 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Thời gian trả vào ngày 20/4/2020.

□p dụng: Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực và đến thời điểm phải thanh toán và bên được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu

bên phải thi hành án không trả khoản tiền trên, thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Về án phí: Căn cứ Điều 144; Khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Phạm Văn N và chị Lưu Thị L, phải chịu khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.125.000đ *(Bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).*

Chị Mai Thị L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho chị Liên số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm trước đây là 24.750.000đ *(Hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2014/0001962 ngày 18/04/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định đực thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kon Tum;
-TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Thi hành án huyện Ngọc Hồi;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Pho